

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: bà **Lâm Mỹ N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: X ấp P, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Z ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bà Lâm Mỹ N trình bày: bà và ông Trần Quốc T tự nguyện tiến tới hôn nhân tháng 3/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 29/11/2016. Trong thời gian chung sống, ông T không quan tâm, chăm sóc cho bà, và còn đe dọa giết vợ con nếu ly hôn. Bà không thể tiếp tục sống chung được nên yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T. Về con chung, có một người con tên Trần Lâm Tuấn M (nam) sinh ngày 05/7/2016, bà yêu cầu nuôi cháu M, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung do đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – ông Trần Quốc T trình bày: ông và bà Lâm Mỹ N tự nguyện kết hôn năm 2016, hiện tại vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông không muốn ly hôn vì còn thương vợ con. Về con chung, có một người con là Trần Lâm Tuấn M, ông yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lâm Mỹ N và ông Trần Quốc T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P vào ngày 29/11/2016 là hôn N hợp pháp. Ngày 26/11/2018 bà N yêu cầu ly hôn và quyền nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý để giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bà N cho rằng cuộc sống hôn N không hạnh phúc do ông T vẫn còn qua lại với vợ cũ, không quan tâm, chăm sóc trong thời gian bà mang thai cho đến khi sảy thai, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đồng thời ông T còn đe dọa tính mạng bà. Phía ông T không thừa nhận sự việc như lời trình bày của bà N, ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, giữa ông T và bà N đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có sự bất đồng, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có cách nào hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, bà N vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Bà N và ông T có một người con chung là Trần Lâm Tuấn M (nam) sinh ngày 05/7/2016, nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu được quyền nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T trình bày do con còn nhỏ nên đồng ý để bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Mỹ N với ông Trần Quốc T.

- *Về con chung:* giao Trần Lâm Tuấn M (nam) sinh ngày 05/7/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* bà N nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2016/005224 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa